TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2021/LĐ-ST
Ngày: 24/6/2021
V/v tranh chấp về đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động và tranh chấp tiền lương

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phượng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Quang Mẫn
2. Bà Nghiêm Thị Xuân Huê

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Trần Thị Quế Hương – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 tham gia phiên toà*:** Bà Trần Lệ Thủy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 16/2021/TLST-LĐ ngày 29 tháng 01 năm 2021 về "Tranh chấp về đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động và tranh chấp tiền lương", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2062/2021/QĐXXST-LĐ ngày 27 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 3271/2021/QĐST-DS ngày 27 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Dung TN, sinh năm 1980

Địa chỉ: 19/45/9 CB, Phường M, quận PN, TP.H

- *Bị đơn:* Công ty TNHH R

Địa chỉ trụ sở: 68/4 HTK, phường BT, Quận M, Tp.H.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Lý TT, sinh năm 1982, địa chỉ: 68/4 HTK, phường BT, Quận M, Tp.H, địa chỉ tạm trú: 256 PHI, Phường MH, quận GV, TP.H là người đại diện theo pháp luật.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện đề ngày 05/01/2021 và ngày 19/01/2021 cùng lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bà Dung TN là nguyên đơn trình bày:*

ngày 09/6/2020, bà được Công ty TNHH R (ngành nghề may mặc thời trang) nhận vào làm việc, hai bên không ký hợp đồng lao động, có thỏa thuận công việc và thu nhập như sau:

- Công việc phụ trách: thợ may.

- Lương: 4.000.000 đồng/tháng + sản phẩm (110.000 đồng/1 sản phẩm)

- Tiền ăn: 40.000 đồng/ngày

- Thời gian làm việc: từ 8 giờ sáng đến 5 giờ chiều mỗi ngày

- Số ngày làm việc: 26 ngày/tháng

- Sản phẩm: Công ty có nêu số lượng sản phẩm mỗi ngày nhưng không quy định chính thức.

Công ty chỉ thử việc 01 (một) ngày nên thời gian bà làm việc cho Công ty tính từ ngày 09/6/2020, đến ngày 15/8/2020 Công ty mới đưa cho bà 01 bản hợp đồng lao động (không ghi ngày tháng), bà ký xong thì Giám đốc Công ty thu lại, không đưa cho bà hợp đồng mà bà đã ký. Đến ngày 23/11/2020, bà Lý TT- Giám đốc Công ty thông báo đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động đối với bà thông qua nhắn tin điện thoại mà không nói rõ lý do, thời hạn làm việc cuối cùng là ngày 30/11/2020. Sau ngày 30/11/2020, bà cũng không đến Công ty làm việc và cũng không tìm được công việc mới.

Vào tháng 8/2020, Công ty có thông báo với bà cùng chung tay giúp đỡ Công ty lúc khó khăn vì dịch bệnh Covid-19, Công ty đã trừ của bà 20% tiền lương của tháng 8 và tháng 9 năm 2020, trong khi chưa được sự đồng ý của bà.

Do đó, bà khởi kiện yêu cầu Công ty thanh toán 20% tiền lương của 02 tháng 8 và tháng 9 năm 2020 mà Công ty đã trừ là 1.600.000 đồng và bồi thường 02 tháng tiền lương cơ bản là 8.000.000 đồng do bị đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật; Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà rút yêu cầu đòi Công ty trả sổ BHXH.

- Bị đơn là Công ty TNHH R đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn cố tình vắng mặt nên vụ án không tiến hành hòa giải được.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét và thẩm tra tại phiên toà đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đình chỉ giải quyết yêu cầu đòi trả sổ bảo hiểm xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] *Về tố tụng*: Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp về trường hợp bị đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động và tiền lương; bị đơn Công ty TNHH R có trụ sở tại 68/4 HTK, phường BT, Quận M, TP.H. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1.

[2] Về điều kiện khởi kiện: Xét tranh chấp lao động giữa cá nhân người lao động và người sử dụng lao động về trường hợp đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động không thuộc trường hợp phải qua thủ tục hòa giải; tranh chấp tiền lương thuộc trường hợp phải qua thủ tục hòa giải của Hòa giải viên lao động, ngày 29/12/2020, Phòng Lao động Thương binh và Xã hội Quận 1 lập biên bản hòa giải tranh chấp lao động không thành, ngày 05/01/2021 nguyên đơn khởi kiện là đủ điều kiện khởi kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Lao động;

[3] Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn là Công ty TNHH R lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt, do đó việc xét xử vắng mặt Công ty TNHH R là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[4] Xét quan hệ lao động giữa Công ty TNHH R và bà Dụng TN:

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn khai có ký hợp đồng lao động, nhưng Công ty giữ bản hợp đồng đã ký, nguyên đơn không giữ và cũng không xuất trình được hợp đồng lao động. Theo quy định tại điểm b khoản 1

Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án đã yêu cầu hai bên cung cấp chứng cứ để chứng minh có quan hệ lao động, tuy Nên cho đến phiên tòa hôm nay, Tòa án không nhận được chứng cứ từ phía bị đơn cung cấp, nguyên đơn chỉ cung cấp được cho Hội đồng xét xử bản photo tin nhắn được in ra từ bản chụp màn hình điện thoại của app Zalo của một người tên là "Q Rubi" về tính tiền công tháng 7(03/7/2020) là 7.033.000 đồng, tháng 8(03/8/2020) là 10.645.000 đồng; bản photo đánh máy tiền lương tháng 9 (03/10/2020) là 8.150.000 đồng, tháng 11 (03/12/2020) là 8.774.000 đồng và thông tin chuyển khoản vào tài khoản số 0106878588 đứng tên bà Dụng TN tại Ngân hàng TMCP Đông Á.

Theo kết quả thu thập tài liệu, chứng cứ là bảng sao kê tài khoản ngân hàng của nguyên đơn tại Ngân hàng TMCP Đông Á; đối chiếu với các tin nhắn, phiếu lương thể hiện cách tính lương, thu nhập do nguyên đơn giao nộp phù hợp với lời khai của nguyên đơn tại tòa, chứng minh hai bên có thỏa thuận về mức lương cho công việc của nguyên đơn là: lương cơ bản 4.000.000 đồng/tháng cộng với lương tính theo sản phẩm (110.000 đồng/1 sản phẩm) và thực tế, việc chuyển tiền lương hằng tháng cho bà N chủ yếu là do bà Lý TT – đại diện theo pháp luật của Công ty thực hiện. Do đó, có căn cứ xác định giữa Công ty và bà N có xác lập quan hệ lao động và được điều chỉnh với Bộ luật Lao động năm 2012. Tuy Nên, do hai bên không cung cấp được Hợp đồng lao động nên không xác định được loại Hợp đồng lao đồng mà hai bên đã giao kết.

Nguyên đơn xác định tiền lương làm căn cứ cho yêu cầu khởi kiện là tiền lương cơ bản 4.000.000 đồng/tháng là phù hợp với quy định tại Điều 90 Bộ luật lao động năm 2012.

[5] Xét yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn bồi thường 02 tháng tiền lương cơ bản là 8.000.000 đồng do bị đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động.

Theo nguyên đơn trình bày, ngày 23/11/2020, bà Lý TT- Giám đốc nhắn tin cho nguyên đơn yêu cầu làm đến hết tháng 11/2020 thì nghỉ mà không nêu lý do. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn xác nhận từ sau ngày 30/11/2020 nguyên đơn không đến Công ty làm việc nữa.

Xét thấy, từ khi được thông báo nghỉ việc bằng tin nhắn điện thoại cho đến khi đến ngày làm việc cuối cùng, nguyên đơn vẫn đi làm và nhận đủ tiền lương gồm: lương cơ bản (25 ngày công x 160.000đ/ngày) + tiền tăng ca + 33 sản phẩm + ăn trưa mà không có khiếu nại gì với người có thẩm quyền của Công ty về việc cho

nguyên đơn nghỉ việc, đồng thời, sau ngày 30/11/2020, nguyên đơn cũng không đến Công ty làm việc. Ngoài tài liệu là tin nhắn thông báo cho nguyên đơn nghỉ việc mang tên "Q Rubi", nguyên đơn không có tài liệu, chứng cứ nào khác chứng minh việc bị Công ty đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động là trái pháp luật. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn bồi thường 02 tháng tiền lương cơ bản là 8.000.000 đồng do bị đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động.

[6] Xét yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán 20% tiền lương của 02 tháng 8 và tháng 9 năm 2020 mà bị đơn đã trừ là 1.600.000 đồng.

Tại bản khai ngày 09/3/2021, ngày 30/3/2021 và tại phiên tòa, Nguyên đơn khai đã được nhận đủ tiền công, tiền cơm trưa đối với tiền lương các tháng 6, 7, 10, 11/2020; Công ty đã trừ 20% tiền lương của tháng 8 và tháng 9 năm 2020 của nguyên đơn là 800.000 đồng/tháng mà chưa được sự đồng ý của nguyên đơn.

Xét, theo các phiếu lương được in từ chụp màn hình điện thoại và bản photo đánh máy do nguyên đơn cung cấp thì:

+ Lương tháng 6 (nhận chuyển khoản vào ngày 03/7/2020) là 7.033.000 đồng (gồm 20,5 ngày công x 153.000đ/ngày + 28 sản phẩm + ăn trưa);

+ Lương tháng 7 (nhận chuyển khoản vào ngày 03/8/2020) là 10.645.000 đồng (gồm 30 ngày công x 153.000đ/ngày + 42 sản phẩm + ăn trưa);

+ Lương tháng 8 (nhận chuyển khoản vào ngày 03/9/2020) là 9.175.000 đồng (không có tài liệu diễn giải);

+ Lương tháng 9 (nhận chuyển khoản vào ngày 03/10/2020) là 8.150.000 đồng (theo bản chụp phiếu lương gồm 26 ngày công x 153.000đ/ngày + 27 sản phẩm, cắt, may);

+ Lương tháng 10 (nhận chuyển khoản vào ngày 03/11/2020) là 8.547.000 đồng (không có tài liệu diễn giải);

+ Lương tháng 11 (nhận chuyển khoản vào ngày 03/12/2020) là 8.774.000 đồng (theo bản chụp phiếu lương gồm 25 ngày công x 160.000đ/ngày + tăng ca + 33 sản phẩm + ăn trưa).

Theo các tài liệu do nguyên đơn giao nộp, nguyên đơn đã thực nhận số tiền lương tháng 8/2020 tổng cộng 9.175.000 đồng và tháng 9/2020 là 8.150.000 đồng,

là có bao gồm 4.000.000 đồng tiền lương cơ bản, số tiền còn lại là tiền lương được tính trên số sản phẩm làm được theo đúng thỏa thuận của hai bên. Ngoài lời khai, nguyên đơn không có tài liệu, chứng cứ nào khác thể hiện việc bị đơn trừ đi 20% lương cơ bản của tháng 8 và tháng 9/2020 với lý do Công ty gặp khó khăn vì dịch bệnh. Do đó, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn.

*[7] Xét yêu cầu đòi trả sổ bảo hiểm xã hội của nguyên đơn:*Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn rút yêu cầu trả sổ Bảo hiểm xã hội, xét việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện nên được ghi nhận, Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án lao động: nguyên đơn là người lao động được miễn nộp tiền tạm ứng án phí Tòa án theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên được miễn án phí lao động sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 41, 90 Bộ luật Lao động năm 2012;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Dung TN yêu cầu Công ty TNHH R thanh toán tiền lương còn thiếu của tháng 8 và tháng 9 năm 2020 là 1.600.000 đồng và bồi thường 02 tháng tiền lương 8.000.000 đồng do bị đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động.

2. Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của bà Dung TN yêu cầu Công ty TNHH R trả sổ bảo hiểm xã hội.

3. Về án phí: Bà Dung TN được miễn án phí lao động sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án;

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ;

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 1;
- Chi cục Thi hành án Quận 1;
- Các đương sự;
- Lưu: văn thư, hồ sơ vụ việc.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Phượng